

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 382/2020/DS-ST
Ngày: 24-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Mỹ Hồng.

Bà Đỗ Thị Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trúc Ly - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa:
Ông Bạch Ngọc Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 368/2019/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 209/2020/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Phước N, sinh năm 1972; Địa chỉ: Lầu 4 L, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản ủy quyền số 89/GUQ-NHNo11-TH ngày 25/02/2020)

- Bị đơn: Bà Xà Thị Tuyết N, sinh năm 1967;

Ông Vương Chí V, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: đường Đ, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Vương Thúy V1, sinh năm 1993;

Anh Vương Chí V2, sinh năm 1999;

Cùng địa chỉ: đường Đ, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Tại phiên tòa: Ông N, bà N, ông V chỉ V1, anh V2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/01/2019, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng N (sau đây gọi là A) do ông Dương Phước N là người đại diện trình bày:

Ngày 27/05/2011, Ngân hàng N - Chi nhánh 11 - Phòng Giao Dịch T (nay là Phòng giao dịch H) có ký hợp đồng tín dụng số: 6480-LAV-201100328 cho ông Vương Chí V và bà Xà Thị Tuyết N vay số tiền là: 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng); phương thức cho vay: hạn mức tín dụng; thời hạn của hạn mức tín dụng: 12 tháng kể từ ngày 27/05/2011; mục đích sử dụng tiền vay: bổ sung vốn kinh doanh mua bán sắt xây dựng thành phẩm.

Ngày 18/11/2011, ông V và bà N nhận nợ vay 600.000.000 đồng, lãi suất vay tại thời điểm nhận nợ là 19%/năm, hạn trả nợ gốc là ngày 18/5/2012. Khoản vay này đã tất toán ngày 17/05/2012.

Ngày 18/05/2012, ông V và bà N nhận nợ vay 600.000.000 đồng, lãi suất vay tại thời điểm nhận nợ là 18.5%/năm. Hạn trả nợ cuối cùng: 18/11/2012. Đã gia hạn gốc đến ngày 18/11/2013 theo Phụ lục hợp đồng ký ngày 13/11/2012. Lãi suất điều chỉnh xuống còn 15%/năm từ ngày 17/7/2012 và điều chỉnh xuống 13%/năm từ ngày 01/4/2014.

Để bảo đảm cho khoản vay, ông V và bà N đã thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tọa lạc tại địa chỉ: đường Đ, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (số cũ: xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh) do ông Vương Chí V và bà Xà Thị Tuyết N là chủ sở hữu theo hợp đồng thế chấp số: 6480 LCL 200900040 ngày 14/01/2009, được công chứng tại Phòng công chứng số 07, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng: 0740, Quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD. Đăng ký giao dịch đảm bảo tại Phòng tài nguyên môi trường quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15/01/2009.

Tính đến ngày 18/11/2013, ông Vương Chí V và bà Xà Thị Tuyết N đã thanh toán được tiền lãi từ ngày 18/5/2012 đến 16/12/2012, số tiền là 56.750.000 đồng. Số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng, lãi từ ngày 17/12/2012 đến ngày 18/11/2013 là 84.250.000 đồng.

Do ông Vương Chí V và bà Xà Thị Tuyết N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 19/11/2013.

Từ ngày 19/11/2013 đến ngày 26/7/2020, ông V bà N đã thanh toán nợ gốc 329.000.000 đồng, tiền lãi 4.000.000 đồng (lãi từ ngày 17/12/2012 đến ngày 01/01/2013).

Tính đến ngày 24/9/2020 ông Vương Chí V và bà Xà Thị Tuyết N đã trễ hạn thanh toán là 2823 ngày. Nay Ngân hàng N đề nghị Tòa án buộc ông Vương Chí V và bà Xà Thị Tuyết N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền là 922.676.333 đồng, trong đó nợ gốc là: 271.000.000 đồng, nợ lãi là: 651.676.333 đồng và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật, trả một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp ông Vương Chí V và bà Xà Thị Tuyết N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tọa lạc tại: đường Đ, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (số cũ: xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh) do ông Vương Chí V và bà Xà Thị Tuyết N là chủ sở hữu để bảo đảm thu hồi nợ cho A.

Tại các bản tự khai ngày 07/8/2019, ngày 24/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Xà Thị Tuyết N trình bày: Bà xác nhận có vay của A số tiền 600.000.000 đồng và thỏa thuận các điều kiện vay khác đúng như trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Thừa nhận tính đến ngày 24/9/2020, bà và ông V còn nợ A tiền nợ gốc là: 271.000.000 đồng và tiền nợ lãi: 651.676.333 đồng. Bà N đồng ý thanh toán các khoản tiền nợ gốc, tiền nợ lãi như yêu cầu của A. Do hoàn cảnh kinh tế hiện đang gặp khó khăn nên có nguyện vọng được A giảm tiền lãi và cần có thời gian để thanh toán toàn bộ số tiền nợ cho A.

Bị đơn là ông Vương Chí V; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Vương Thúy V1, anh Vương Chí V2 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; tiến hành xác minh thu thập chứng cứ. Thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng các bên có xác lập giao dịch tín dụng theo đúng quy định. Phía ông V, bà N đã nhận đủ tiền, đã thực hiện một phần nghĩa vụ nhưng không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ với A. Nay A có yêu cầu đòi nợ là đúng quy định, đề

ngợi Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa Ngân hàng N với ông Vương Chí V và bà Xà Thị Tuyết N là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn ông Vương Chí V và bà Xà Thị Tuyết N cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Nguyên đơn, bị đơn - bà Xà Thị Tuyết N có đơn xin vắng mặt. Bị đơn - ông Vương Chí V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Ngân hàng N là tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, các quy định khác của pháp luật và được phép cho vay tín dụng. Tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng số: 6480-LAV-201100328 ngày 27/5/2011, ông V, bà N đã cung cấp các giấy tờ tùy thân, ký tên vào tất cả các trang của hợp đồng từ đó thể hiện việc ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện và người ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Do đó hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên có hiệu lực.

Căn cứ nội dung hợp đồng tín dụng, các phụ lục hợp đồng, giấy nhận nợ, chứng từ giao dịch, bảng kê tính lãi và sự thừa nhận của bà N, có cơ sở xác định A cho ông Vương Chí V và bà Xà Thị Tuyết N vay số tiền 600.000.000 đồng; phương thức cho vay: hạn mức tín dụng. Thực hiện hợp đồng, ông V và bà N đã thanh toán được tổng số tiền là 389.750.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 329.000.000 đồng, nợ lãi là 60.750.000 đồng.

[4] Yêu cầu thanh toán nợ gốc: Trong quá trình giải quyết vụ án, giữa A và bà Xà Thị Tuyết N đã thống nhất số tiền nợ gốc mà ông V, bà N còn nợ A là 271.000.000 đồng. Ông Vương Chí V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không tham gia các buổi hòa giải và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của A. Xét, ông V và bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng tín dụng. Do đó, A yêu cầu ông Vương Chí V, bà Xà Thị Tuyết N có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 271.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Yêu cầu trả tiền lãi: Việc A tính các khoản tiền lãi dựa vào sự thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng tín dụng và các phụ lục hợp đồng, các thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, bà N thống nhất về số tiền lãi còn nợ A. Ông Vương Chí V không có ý kiến đối với yêu cầu này. Do đó A yêu cầu ông Vương Chí V, bà Xà Thị Tuyết N có nghĩa vụ trả số tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/9/2020) với số tiền 651.676.333 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Ông V và bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận giữa các bên làm ảnh hưởng đến quyền lợi của A. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Vương Chí V và bà Xà Thị Tuyết N thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tọa lạc tại đường Đ, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (số cũ: xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh) theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 1533/2002 do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh cấp ngày 15/10/2002 cho ông Vương Chí V và bà Xà Thị Tuyết N theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 6480 LCL 200900040 ngày 14/01/2009, được công chứng tại Phòng công chứng số 07, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng: 0740, Quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 14/01/2009 và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Phòng tài nguyên môi trường quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15/01/2009. Việc thế chấp tài sản được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp tài sản được ký kết dựa trên cơ sở tự nguyện, người ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên có hiệu lực.

Xét yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm trong trường hợp ông V và bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của A là phù hợp với sự thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng thế chấp tài sản nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[9] Về án phí:

- Ông Vương Chí V và bà Xà Thị Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Ngân hàng N không phải chịu án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Chi phí tố tụng: Ghi nhận việc Ngân hàng N tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 144, 147, 157, 158, 227, 228, 266, 271, và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào các Điều 323, 342, 343 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào các Điều 299, 320, 323, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc ông Vương Chí V và bà Xà Thị Tuyết N thanh toán cho Ngân hàng N số tiền 922.676.333 (chín trăm hai mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng, trong đó tiền nợ vốn gốc là 271.000.000 (hai trăm bảy mươi một triệu) đồng, tiền nợ lãi là 651.676.333 (sáu trăm năm mươi một triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng.

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Vương Chí V và bà Xà Thị Tuyết N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Vương Chí V và bà Xà Thị Tuyết N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tọa lạc tại đường Đ, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (số cũ: xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh) theo

giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 1533/2002 do Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh cấp ngày 15/10/2002 cho ông Vương Chí V và bà Xà Thị Tuyết N để thu hồi nợ.

2. Về án phí, chi phí tố tụng:

- Án phí:

Ông Vương Chí V và bà Xà Thị Tuyết N phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 39.680.290 (ba mươi chín triệu sáu trăm tám mươi nghìn hai trăm chín mươi) đồng.

Ngân hàng N được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.877.752 (mười tám triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi hai) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0018230 ngày 30/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 (hai triệu) đồng, Ngân hàng N tự nguyện chịu và đã nộp.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Minh Tâm